

Phụ lục 1

**BẢNG THỐNG KÊ THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ/ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
TẠI TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC**

(Kèm theo Đề án số 13031/ĐA-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/ND-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/ND-CP
	Tổng	5.233	423	90	251	298	4.617	277
I	Trung tâm Y tế khu vực Biên Hòa	531			15	9	442	11
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	236			8	3	176	11
	Phòng Tổ chức - Hành chính	12				1	10	11
	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	13			1		7	
	Phòng Tài chính - Kế toán	16			1	1	13	
	Phòng Điều dưỡng	7					2	
	Phòng Dân số	9					6	
	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	22			1		19	
	Khoa Nội tổng hợp	9					7	
	Khoa Truyền nhiễm	8			1		5	
	Khoa Hồi sức cấp cứu	20					15	
	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	9					8	
	Khoa Ngoại tổng hợp	12			1		9	
	Khoa Khám bệnh	22					14	
	Khoa Liên chuyên khoa	9			1		5	
	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	12			1	1	10	
	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh	19					17	
	Cơ sở Điều trị Methadone số 2	8					6	
	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	7					3	
	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	15			1		14	
	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	4					4	
	Khoa An toàn thực phẩm	3					2	
3	Trạm Y tế	292			6	5	266	
3.1	Trạm Y tế phường Phước Tân	20			1		15	
3.2	Trạm Y tế phường Tam Phước	17				1	13	
3.3	Trạm Y tế phường Biên Hòa	30			1		29	
	Trạm Y tế phường Biên Hòa (trạm chính)	9			1		8	
	Điểm trạm Y tế Tân Hạnh	7					7	
	Điểm trạm Y tế Bửu Hòa	7					7	
	Điểm trạm Y tế Tân Vạn	7					7	
3.4	Trạm Y tế phường Trấn Biên	55			1	1	52	
	Trạm Y tế phường Trấn Biên (trạm chính)	14			1		12	
	Điểm trạm Y tế Bửu Long	8					8	
	Điểm trạm Y tế Quang Vinh	8					8	
	Điểm trạm Y tế Thống Nhất	9					9	
	Điểm trạm Y tế Hiệp Hòa	7				1	6	
	Điểm trạm Y tế An Bình	9					9	
3.5	Trạm Y tế phường Tam Hiệp	42			1		40	
	Trạm Y tế phường Tam Hiệp (trạm chính)	12					11	
	Điểm trạm Y tế Tân Hiệp	10					9	
	Điểm trạm Y tế Tân Mai	10					10	
	Điểm trạm Y tế Bình Đa	10			1		10	
3.6	Trạm Y tế phường Long Bình	36			1	1	31	
	Trạm Y tế phường Long Bình (trạm chính)	19			1	1	14	
	Điểm trạm Y tế Hồ Nai	9					9	
	Điểm trạm Y tế Tân Biên	8					8	
3.7	Trạm Y tế phường Trảng Dài	24					23	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/ND-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/ND-CP
	Trạm Y tế phường Trảng Dài (trạm chính)	16					15	
	Điểm trạm Y tế Thiện Tân	8					8	
3.8	Trạm Y tế phường Tân Triều	43				2	41	
	Trạm Y tế phường Tân Triều (trạm chính)	12				1	11	
	Điểm trạm Y tế Tân Phong	9					9	
	Điểm trạm Y tế Tân Bình	12				1	11	
	Điểm trạm Y tế Bình Lợi	10					10	
3.9	Trạm Y tế phường Long Hưng	25			1		22	
	Trạm Y tế phường Long Hưng (trạm chính)	10			1		7	
	Điểm trạm Y tế Long Bình Tân	8					10	
	Điểm trạm Y tế Long Hưng	7					5	
II	Trung tâm Y tế khu vực Long Khánh	179			11	10	140	2
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1			
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	54			5	4	38	2
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính-Tài chính - Kế toán	8			1	1	5	2
2.2	Phòng KHNH- Dược - VT, TBYT	7			1		5	
2.3	Khoa KSBT - HIV/AIDS	9				1	8	
2.4	phòng khám Đa khoa và Điều trị Nghiện chất	11			1		9	
2.5	Khoa Xét nghiệm - CDHA	7			1		4	
2.6	Khoa YTCC - Thực phẩm và Dinh dưỡng	6				1	3	
2.7	Khoa Dân số - TTGDSK	6			1	1	4	
3	Trạm Y tế	122			5	6	102	
3.1	Trạm Y tế phường Bình Lộc	23			1	1	18	
	Trạm Y tế phường Bình Lộc (trạm chính)	10			1		6	
	Điểm trạm Y tế Suối Tre	6					6	
	Điểm trạm Y tế Xuân Thiện	7				1	6	
3.2	Trạm Y tế phường Bảo Vinh	23			1	1	20	
	Trạm Y tế phường Bảo Vinh (trạm chính)	16			1		14	
	Điểm trạm Y tế Bảo Quang	7				1	6	
3.3	Trạm Y tế phường Xuân Lập	17			1	1	11	
	Trạm Y tế phường Xuân Lập (trạm chính)	11			1		8	
	Điểm trạm Y tế Bàu Sen	6				1	3	
3.4	Trạm Y tế phường Long Khánh	41			1	2	37	
	Trạm Y tế phường Long Khánh (trạm chính)	10			1		9	
	Điểm trạm Y tế Xuân An	9				1	8	
	Điểm trạm Y tế Phú Bình	5					5	
	Điểm trạm Y tế Xuân Hòa	7					7	
	Điểm trạm Y tế Bàu Trâm	10				1	8	
3.5	Trạm Y tế phường Hàng Gòn	18			1	1	16	
	Trạm Y tế phường Hàng Gòn (trạm chính)	9			1		8	
	Điểm trạm Y tế Xuân Tân	9				1	8	
III	Trung tâm Y tế khu vực Trảng Bom	406			18	14	336	26
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	239			13	3	188	26
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	9			1	1	7	9
2.2	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	10			1		7	
2.3	Phòng Điều dưỡng	3			1		2	
2.4	Phòng Tài chính - Kế toán	18			1	1	16	
2.5	Phòng Dân số	6					4	
2.6	Khoa Khám bệnh	18			1		16	1
2.7	Khoa Xét nghiệm	8			1		6	
2.8	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	20			1		16	
2.9	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	12					11	
2.10	Khoa Hồi sức cấp cứu	31			1		27	2
2.11	Khoa Nội Nhi Nhiễm	20			1		16	2

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/ND-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/ND-CP
2.12	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	13			1		11	1
2.13	Khoa Ngoại Tổng hợp	17			1		15	2
2.14	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	18			1		13	2
2.15	Khoa An toàn thực phẩm	3			1		2	
2.16	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	4				1	2	
2.17	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	13					6	1
2.18	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	8					3	4
2.19	Cơ sở Điều trị Methadone số 5	8					8	2
3	Trạm Y tế	164			4	9	148	
3.1	Trạm Y tế phường Hồ Nai	19				1	18	
	Trạm Y tế phường Hồ Nai (trạm chính)	11				1	10	
	Điểm trạm Y tế Tân Hòa	8					8	
3.2	Trạm Y tế xã An Viễn	18			1	2	14	
	Trạm Y tế xã An Viễn (trạm chính)	9			1	1	7	
	Điểm trạm Y tế Đồi 61	9				1	7	
3.3	Trạm Y tế xã Bình Minh	21			1	1	19	
	Trạm Y tế xã Bình Minh (trạm chính)	11			1		10	
	Điểm trạm Y tế Bắc Sơn	10				1	9	
3.4	Trạm Y tế xã Trảng Bom	34			1	2	29	
	Trạm Y tế xã Trảng Bom (trạm chính)	10			1	1	7	
	Điểm trạm Y tế Quảng Tiến	8				1	7	
	Điểm trạm Y tế Sông Trầu	8					8	
	Điểm trạm Y tế Giang Điền	8					7	
3.5	Trạm Y tế xã Bàu Hàm	36				1	35	
	Trạm Y tế xã Bàu Hàm (trạm chính)	11				1	10	
	Điểm trạm Y tế Thanh Bình	8					8	
	Điểm trạm Y tế Sông Thao	8					8	
	Điểm trạm Y tế Bàu Hàm	9					9	
3.6	Trạm Y tế xã Hưng Thịnh	36			1	2	33	
	Trạm Y tế xã Hưng Thịnh (trạm chính)	10			1		9	
	Điểm trạm Y tế Đông Hòa	8				1	7	
	Điểm trạm Y tế Tây Hòa	9				1	8	
	Điểm trạm Y tế Hưng Thịnh	9					9	
IV	Trung tâm Y tế khu vực Thống Nhất	307			17	10	256	10
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	190			13	6	164	10
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	6			1	1	3	10
2.2	Phòng KHNH	8					6	
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	13			1	1	11	
2.4	Phòng điều dưỡng	2			1		1	
2.5	Phòng Dân số	6			1		4	
2.6	Khoa Kiểm soát bệnh tật và (Methadone)	12				1	10	
2.7	Khoa Y tế công cộng	5				1	4	
2.8	Khoa An toàn thực phẩm	3			1		2	
2.9	Khoa khám bệnh	21			1		20	
2.10	Khoa Hồi sức cấp cứu	19			1		18	
2.11	Khoa Xét nghiệm	9			1		8	
2.12	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	9			1		8	
2.13	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	8				1	6	
2.14	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	15			1		14	
2.15	Khoa Ngoại tổng hợp	11			1		10	
2.16	Khoa Dược - TTB - VTYT	16			1		15	
2.17	Khoa Nội tổng hợp	8				1	6	
2.18	Khoa Nhi - Nhiễm	8					8	
2.19	Khoa YHCT - PHCN	11			1		10	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP
3	Trạm Y tế	114			3	3	92	
3.1	Trạm Y tế xã Dầu Giây	40			1	1	34	
	Trạm Y tế xã Dầu Giây (trạm chính)	12			1	1	7	
	Điểm trạm Y tế Bàu Hàm 2	8					9	
	Điểm trạm Y tế Hưng Lộc	10					8	
	Điểm trạm Y tế Lộ 25	10					10	
3.2	Trạm Y tế xã Gia Kiệm	34			1	1	24	
	Trạm Y tế xã Gia Kiệm (trạm chính)	12			1	1	7	
	Điểm trạm Y tế Gia Tân 3	11					9	
	Điểm trạm Y tế Quang Trung	11					8	
3.3	Trạm Y tế xã Thống Nhất	40			1	1	34	
	Trạm Y tế xã Thống Nhất (trạm chính)	11			1	1	8	
	Điểm trạm Y tế Gia Tân 1	9					9	
	Điểm trạm Y tế Phú Túc	10					9	
	Điểm trạm Y tế Phú Cường	10					8	
V	Trung tâm Y tế khu vực Tân Phú	371			12	15	295	7
1	Lãnh đạo Trung tâm	2			1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	233			6	9	187	7
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	6					6	6
2.2	Phòng Tài chính - Kế toán	14			1	1	11	
2.3	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	8				1	6	
2.4	Phòng Điều dưỡng	1			1			
2.5	Phòng Dân số	6					3	
2.6	Khoa Khám bệnh	28				1	22	
2.7	Khoa Hồi sức cấp cứu	25			1	1	21	
2.8	Khoa Nội tổng hợp - Nhi - Nhiễm	37				1	30	
2.9	Khoa Ngoại tổng hợp	16				1	12	
2.10	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	18				1	15	
2.11	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	12			1	1	9	
2.12	Khoa kiểm soát bệnh, tật và HIV/AIDS	15					14	
2.13	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng	6			1		4	1
2.14	Khoa An toàn thực phẩm	4					2	
2.15	Khoa Dược - Vật tư , thiết bị y tế	12			1		11	
2.16	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	6					6	
2.17	Khoa Xét nghiệm	11				1	7	
2.18	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	8					8	
3	Trạm Y tế	136			5	5	108	
3.1	Trạm Y tế xã Đak Lua	15			1		6	
3.2	Trạm Y tế xã Tà Lài	28			1	1	25	
	Trạm Y tế xã Tà Lài (trạm chính)	11				1	9	
	Điểm trạm Y tế Phú Thịnh	8			1		8	
	Điểm trạm Y tế Tà Lài	9					8	
3.3	Trạm Y tế xã Nam Cát Tiên	22			1	1	15	
	Trạm Y tế xã Nam Cát Tiên (trạm chính)	14			1		10	
	Điểm trạm Y tế Phú An	8				1	5	
3.4	Trạm Y tế xã Tân Phú	36			1	1	32	
	Trạm Y tế xã Tân Phú (trạm chính)	10			1		8	
	Điểm trạm Y tế Phú Lộc	7					7	
	Điểm trạm Y tế Trà Cổ	6					6	
	Điểm trạm Y tế Phú Thanh	6				1	4	
	Điểm trạm Y tế Phú Xuân	7					7	
3.5	Trạm Y tế xã Phú Lâm	35			1	2	30	
	Trạm Y tế xã Phú Lâm (trạm chính)	9					9	
	Điểm trạm Y tế Thanh Sơn	8				1	6	
	Điểm trạm Y tế Phú Lâm	8			1		7	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/ND-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/ND-CP
	Điểm trạm Y tế Phú Sơn	10				1	8	
VI	Trung tâm Y tế khu vực Định Quán	186			11	17	150	6
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	60			6	7	45	5
2.1	Phòng Tổ chức Hành chính và Tài chính Kế toán	9			1	1	7	3
2.2	Phòng KHNH - Dược, VT, TBYT	8			1	1	6	
2.3	Phòng Khám ĐK và ĐTNC	11			1	1	8	2
2.4	Khoa YTCC - TP và DD	8			1	1	6	
2.5	Khoa XN và CĐHA	7				1	5	
2.6	Khoa KSBT và HIV/AIDS	9			1	1	7	
2.7	Khoa Dân số - Truyền thông và GDSK	8			1	1	6	
3	Trạm Y tế	123			4	8	105	1
3.1	Trạm Y tế xã La Ngà	21			1	1	18	1
	Trạm Y tế xã La Ngà (trạm chính)	11			1	1	8	1
	Điểm trạm Y tế Túc Trưng	10					10	
3.2	Trạm Y tế xã Thanh Sơn	21			1	1	15	
3.3	Trạm Y tế xã Định Quán	34			1	2	31	
	Trạm Y tế xã Định Quán (trạm chính)	9			1		8	
	Điểm trạm Y tế Phú Ngọc	9				1	8	
	Điểm trạm Y tế Gia Canh	9				1	8	
	Điểm trạm Y tế Ngọc Định	7					7	
3.4	Trạm Y tế xã Phú Vinh	23			1	1	21	
	Trạm Y tế xã Phú Vinh (trạm chính)	12			1	1	10	
	Điểm trạm Y tế Phú Tân	11					11	
3.5	Trạm Y tế xã Phú Hòa	24				3	20	
	Trạm Y tế xã Phú Hòa (trạm chính)	8				2	5	
	Điểm trạm Y tế Phú Lợi	8				1	7	
	Điểm trạm Y tế Phú Điền	8					8	
VII	Trung tâm Y tế khu vực Vĩnh Cửu	293			9	12	240	21
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	212			8	9	173	19
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	11			1	1	8	9
2.2	Phòng KH NV	9			1		8	
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	13				2	10	
2.4	Phòng Điều dưỡng	2			1		1	
2.5	Phòng Dân số	7				1	6	
2.6	Khoa Khám bệnh	14			1	1	12	3
2.7	Khoa YHCT-PHCN	18					18	
2.8	Khoa Nội tổng hợp	16					15	
2.9	Khoa Hồi sức cấp cứu	22				1	18	
2.10	Khoa Nhi	8					5	1
2.11	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	14				1	9	2
2.12	Khoa Dược - TTB/VTYT	14			1		13	
2.13	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	7					4	
2.14	Khoa Xét nghiệm- chẩn đoán hình ảnh	17			1	1	13	
2.15	Khoa Ngoại	14					10	2
2.16	Khoa ATTP	3					3	
2.17	Khoa Kiểm soát bệnh tật/HIV-AIDS	11			1	1	9	
2.18	Khoa YTCC-DD	8			1		7	
2.19	Cơ sở điều trị Methadone	4					4	2
3	Trạm Y tế	78				2	67	2
3.1	Trạm Y tế xã Phú Lý	21					19	2
	Trạm Y tế xã Phú Lý (trạm chính)	13					11	2
	Điểm trạm Y tế Phú Lý	8					8	
3.2	Trạm Y tế xã Trị An	31				2	25	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP
	Trạm Y tế xã Trị An (trạm chính)	13				2	10	
	Điểm trạm Y tế Mã Đà	8					7	
	Điểm trạm Y tế Trị An	10					8	
3.3	Trạm Y tế xã Tân An	26					23	
	Trạm Y tế xã Tân An (trạm chính)	12					11	
	Điểm trạm Y tế Vĩnh Tân	14					12	
VIII	Trung tâm Y tế khu vực Cẩm Mỹ	366			13	27	309	21
1	Lãnh đạo Trung tâm	3				2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	230			9	17	194	19
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	7				1	5	11
2.2	Phòng KH NV ĐD	12					12	
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	14			1	1	12	
2.4	Phòng Dân số - TT & GDSK	6			1		5	
2.5	Khoa Kiểm soát bệnh & HIV/AIDS	15				2	9	
2.6	Khoa YTCC - ATTP	10			1	1	6	
2.7	Khoa Khám bệnh	24			1	1	22	1
2.8	Khoa Hồi sức cấp cứu	17			1		16	
2.9	Khoa YHCT-PHCN	21				2	19	
2.10	Khoa Nội - Nhiễm	20			1	2	17	
2.11	Khoa Nhi	9				1	7	
2.12	Khoa Ngoại - GMHS	21				3	18	
2.13	Khoa Chăm sóc SKSS - Phụ sản	13				2	11	
2.14	Khoa Xét nghiệm & CDHA	22			1	1	20	
2.15	Khoa Dược - Vật tư, THBYT	14			1		13	
2.16	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	5			1		2	7
3	Trạm Y tế	133			4	8	115	2
3.1	Trạm Y tế xã Xuân Quế	17			1	2	12	
	Trạm Y tế xã Xuân Quế (trạm chính)	9			1	1	5	
	Điểm trạm Y tế Sông Nhạn	8				1	7	
3.2	Trạm Y tế xã Xuân Đường	23			1		18	
	Trạm Y tế xã Xuân Đường (trạm chính)	8			1		6	
	Điểm trạm Y tế Thừa Đức	7					7	
	Điểm trạm Y tế Cẩm Đường	8					5	
3.3	Trạm Y tế xã Cẩm Mỹ	35			1	2	32	
	Trạm Y tế xã Cẩm Mỹ (trạm chính)	9			1		8	
	Điểm trạm Y tế Long Giao	7				1	6	
	Điểm trạm Y tế Xuân Mỹ	9					9	
	Điểm trạm Y tế Bảo Bình	10				1	9	
3.4	Trạm Y tế xã Sông Ray	36				3	33	2
	Trạm Y tế xã Sông Ray (trạm chính)	28				2	26	2
	Điểm trạm Y tế Lâm Sơn	8				1	7	
3.5	Trạm Y tế xã Xuân Đông	22			1	1	20	
	Trạm Y tế xã Xuân Đông (trạm chính)	11			1		10	
	Điểm trạm Y tế Xuân Tây	11				1	10	
IX	Trung tâm Y tế khu vực Nhơn Trạch	315			13	23	251	13
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	211			9	11	170	13
2.1	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng	9			1	1	6	
2.2	Phòng Tổ chức - Hành chính	11			1	2	8	13
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	12			1	1	10	
2.4	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	13			1		11	
2.5	Khoa Khám bệnh	12					12	
2.6	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích và chống độc	17				1	15	
2.7	Khoa Nội - Nhiễm	19			1	1	17	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/ ND-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/N Đ-CP
2.8	Khoa Ngoại - Gây mê hồi sức	15					11	
2.9	Khoa Nhi	9					8	
2.10	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	8				1	5	
2.11	Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	10			1		9	
2.12	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh	22				1	20	
2.13	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	8			1		7	
2.14	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư Y tế	18			1		15	
2.15	Khoa Y tế công cộng - Thực phẩm và Dinh dưỡng	13				1	6	
2.16	Khoa Kiểm soát bệnh tật & HIV/AIDS	8				1	5	
2.17	Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	7			1	1	5	
3	Trạm Y tế	101			3	11	81	
3.1	Trạm Y tế xã Đại Phước	33			1	3	29	
	Trạm Y tế xã Đại Phước (trạm chính)	9			1		8	
	Điểm trạm Y tế Phú Hữu	7				1	6	
	Điểm trạm Y tế Phú Đông	8				1	7	
	Điểm trạm Y tế Phước Khánh	9				1	8	
3.2	Trạm Y tế xã Nhơn Trạch	43			1	5	34	
	Trạm Y tế xã Nhơn Trạch (trạm chính)	9			1	1	7	
	Điểm trạm Y tế Phú Thạnh	8				1	7	
	Điểm trạm Y tế Long Tân	8				1	5	
	Điểm trạm Y tế Phước Thiện	8				1	6	
	Điểm trạm Y tế Hiệp Phước	10				1	9	
3.3	Trạm Y tế xã Phước An	25			1	3	18	
	Trạm Y tế xã Phước An (trạm chính)	9			1	1	6	
	Điểm trạm Y tế Vĩnh Thanh	8				1	7	
	Điểm trạm Y tế Long Thọ	8				1	5	
X	Trung tâm Y tế khu vực Xuân Lộc	456			20	10	398	26
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1			
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	287			13	7	243	26
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	7			1		4	16
2.2	Phòng KH - NV - ĐD	17				2	12	
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	15			1		13	
2.4	Phòng Dân số	6			1		4	
2.5	Khoa Dược - VT, TBYT	17			1		15	
2.6	Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng	15			1		13	
2.7	Khoa Nhi	18				2	14	
2.8	Khoa Nội - Nhiễm	23			1		19	
2.9	Khoa Ngoại - Gây mê hồi sức	24			1	1	21	
2.10	Khoa CSSKSS&PS	19					18	
2.11	Khoa Khám bệnh	15					15	
2.12	Khoa Cấp cứu - HSTC & CĐ	29			1		27	
2.13	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	16			1		15	
2.14	Khoa Xét nghiệm	16			1		14	
2.15	Khoa YHCT-PHCN	17			1		16	
2.16	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	7			1	1	2	8
2.17	Khoa YTCC-TP&DD	11			1		9	
2.18	Khoa KSBT-HIV/AIDS và cơ sở điều trị Methadone	15				1	12	2
3	Trạm Y tế	166			6	3	155	
3.1	Trạm Y tế xã Xuân Định	24			1	2	21	
	Trạm Y tế xã Xuân Định (trạm chính)	7			1		6	
	Điểm trạm Y tế Xuân Bảo	8				1	7	
	Điểm trạm Y tế Bảo Hòa	9				1	8	
3.2	Trạm Y tế xã Xuân Phú	18			1		17	
	Trạm Y tế xã Xuân Phú (trạm chính)	11					11	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/ND-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/ND-CP
	Điểm trạm Y tế Lang Minh	7			1		6	
3.3	Trạm Y tế xã Xuân Lộc	50			1		49	
	Trạm Y tế xã Xuân Lộc (trạm chính)	12			1		11	
	Điểm trạm Y tế Xuân Thọ	9					9	
	Điểm trạm Y tế Xuân Trường	10					10	
	Điểm trạm Y tế Suối Cát	9					9	
	Điểm trạm Y tế Xuân Hiệp	10					10	
3.4	Trạm Y tế xã Xuân Hòa	37			1		35	
	Trạm Y tế xã Xuân Hòa (trạm chính)	15			1		14	
	Điểm trạm Y tế Xuân Tâm	11					11	
	Điểm trạm Y tế Xuân Hòa	11					10	
3.5	Trạm Y tế xã Xuân Thành	16			1	1	14	
	Trạm Y tế xã Xuân Thành (trạm chính)	8			1		7	
	Điểm trạm Y tế Suối Cao	8				1	7	
3.6	Trạm Y tế xã Xuân Bắc	21			1		19	
	Trạm Y tế xã Xuân Bắc (trạm chính)	11			1		10	
	Điểm trạm Y tế Suối Nho	10					9	
XI	Trung tâm Y tế khu vực Long Thành	177			11	17	141	5
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	58			6	5	46	5
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính và Tài chính - Kế toán	9			1	1	7	5
2.2	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ và Dược - Vật tư, thiết bị Y tế	9			1	1	7	
2.3	Khoa Dân số, Sức khỏe Sinh sản, Truyền thông và Giáo dục Sức khỏe	8			1		7	
2.4	Khoa Y tế Công cộng - Thực phẩm và Dinh dưỡng	7			1	1	5	
2.5	Khoa Kiểm soát Bệnh tật và HIV/AIDS	9			1	1	7	
2.6	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán Hình ảnh	8				1	7	
2.7	Phòng khám Đa khoa (bao gồm CSĐT Methadone số 3)	8			1		6	
3	Trạm Y tế	116			4	11	95	
3.1	Trạm Y tế xã Phước Thái	28			1	4	23	
	Trạm Y tế xã Phước Thái (trạm chính)	11			1	1	9	
	Điểm trạm Y tế Phước Bình	9				2	7	
	Điểm trạm Y tế Tân Hiệp	8				1	7	
3.2	Trạm Y tế xã Long Phước	19			1	2	15	
	Trạm Y tế xã Long Phước (trạm chính)	10			1		8	
	Điểm trạm Y tế Bàu Cạn	9				2	7	
3.3	Trạm Y tế xã Bình An	19			1	1	14	
	Trạm Y tế xã Bình An (trạm chính)	8			1		6	
	Điểm trạm Y tế Long Đức	11				1	8	
3.4	Trạm Y tế xã Long Thành	29			1	2	26	
	Trạm Y tế xã Long Thành (trạm chính)	5				1	4	
	Điểm trạm Y tế Lộc An	6					6	
	Điểm trạm Y tế Long An	10			1		9	
	Điểm trạm Y tế Bình Sơn	8				1	7	
3.5	Trạm Y tế xã An Phước	21				2	17	
	Trạm Y tế xã An Phước (trạm chính)	12				1	11	
	Điểm trạm Y tế Tam An	9				1	6	
XII	Trung tâm Y tế khu vực Phú Riềng	109		11	8	4	92	5
1	Lãnh đạo Trung tâm KV Phú Riềng	3			1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	27		11	3		20	5
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính	6		11	1		3	5
2.2	Phòng KH NV - DS, TT	7			1		4	
2.3	Khoa Y tế công cộng	7					7	
2.4	Khoa KSBT-HIV/AIDS	7			1		6	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/ND-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/ND-CP
3	Trạm Y tế	79			4	3	72	
3.1	Trạm Y tế xã Bình Tân	16			1	1	14	
	Trạm Y tế xã Bình Tân (trạm chính)	8			1	1	6	
	Điểm trạm Y tế Long Bình	5					5	
	Điểm trạm Y tế Bình Tân	3					3	
3.2	Trạm Y tế xã Long Hà	14			1	1	12	
	Trạm Y tế xã Long Hà (trạm chính)	7			1		6	
	Điểm trạm Y tế Long Hà	7				1	6	
3.3	Trạm Y tế xã Phú Riềng	17				1	16	
	Trạm Y tế xã Phú Riềng (trạm chính)	11			1		10	
	Điểm trạm Y tế Phú Riềng	6				1	5	
3.4	Trạm Y tế xã Phú Trung	13			1		12	
	Trạm Y tế xã Phú Trung (trạm chính)	6					6	
	Điểm trạm Y tế Phước Tân	7			1		6	
3.5	Trạm Y tế xã Thuận Lợi	19			1		18	
	Trạm Y tế xã Thuận Lợi (trạm chính)	15			1		14	
	Điểm trạm Y tế Thuận Lợi	4					4	
XIII	Trung tâm Y tế khu vực Bình Long	109	137	16	14	31	186	15
1	Lãnh đạo Trung tâm	4			1	3		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	59	137	16	13	17	151	13
2.1	Phòng Tổ chức Hành chính	8		16	1	1	6	13
2.2	Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ	8			1	1	6	
2.3	Phòng Tài chính Kế toán	7			1	1	5	
2.4	Phòng Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn	7			1		1	
2.5	Phòng Dân số	5			1		4	
2.6	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	3	11		1	2	11	
2.7	Khoa Xét nghiệm	1	7		1		5	
2.8	Khoa Khám bệnh	1	7		1		5	
2.9	Khoa Liên chuyên khoa Mắt, Răng- Hàm- Mặt, Tai - Mũi- Họng, Da liễu	1	6			1	6	
2.10	Khoa Hồi sức cấp cứu	1	23			1	24	
2.11	Khoa Ngoại Tổng hợp	1	7			1	3	
2.12	Khoa Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	1	10		1	1	9	
2.13	Khoa Nhi	1	9			2	8	
2.14	Khoa Nội Tổng hợp	1	8		1	1	7	
2.15	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	1	10			1	10	
2.16	Khoa Chấn thương chỉnh hình	1	7		1	1	2	
2.17	Khoa Truyền nhiễm	1	7		1		7	
2.18	Khoa Phẫu thuật, gây mê hồi sức	1	6			1	6	
2.19	Khoa Kiểm soát bệnh tật-An toàn thực phẩm	9			1		9	
2.20	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh		19			2	17	
3	Trạm Y tế	46				11	35	2
3.1	Trạm Y tế phường An Lộc	12				3	9	
	Trạm Y tế phường An Lộc (trạm chính)	5				1	4	
	Điểm trạm Y tế Thanh Lương	6				1	5	
	Điểm trạm Y tế Phú Thịnh	1				1		
3.2	Trạm Y tế phường Bình Long	20				4	16	1
	Trạm Y tế phường Bình Long (trạm chính)	7				1	6	1
	Điểm trạm Y tế Hưng Chiến	4					4	
	Điểm trạm Y tế Phú Đức	5				2	3	
	Điểm trạm Y tế Thanh Bình	4				1	3	
3.3	Trạm Y tế xã Tân Hưng	14				4	10	1
	Trạm Y tế xã Tân Hưng (trạm chính)	6				2	4	1
	Điểm trạm Y tế An Khương	4				1	3	
	Điểm trạm Y tế Thanh An	4				1	3	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/ND-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/ND-CP
XIV	Trung tâm Y tế khu vực Phước Long	192	52	8	8	11	196	20
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	151	52	8	7	9	161	20
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	9		8	1		6	6
2.2	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	12			1		9	1
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	11				1	8	1
2.4	Phòng Dân số	7			1		6	
2.5	Khoa Hồi sức cấp cứu	18	6			1	17	4
2.6	Khoa Nội tổng hợp	9	7		1		14	
2.7	Khoa Nhi	7	6		1		10	1
2.8	Khoa Ngoại tổng hợp	11	7			1	13	3
2.9	Khoa Xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh	7	4		1		10	1
2.10	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	12	3			1	12	1
2.11	Khoa Khám bệnh	9	9		1	1	14	1
2.12	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	10	6				13	1
2.13	Khoa Dược - vật tư, thiết bị y tế	8	4			1	11	
2.14	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	7				1	6	
2.15	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	7					7	
2.16	Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	7				2	5	
3	Trạm Y tế	38					35	
3.1	Trạm Y tế phường Phước Bình	19					17	
	Trạm Y tế phường Phước Bình (trạm chính)	8					6	
	Điểm trạm Y tế Bình Sơn	4					4	
	Điểm trạm Y tế Phước Bình	4					4	
	Điểm trạm Y tế Long Giang	3					3	
3.2	Trạm Y tế phường Phước Long	19					18	
	Trạm Y tế phường Phước Long (trạm chính)	8					7	
	Điểm trạm Y tế Thác Mơ	3					3	
	Điểm trạm Y tế Long Thủy	4					4	
	Điểm trạm Y tế Sơn Giang	4					4	
XV	Trung tâm Y tế khu vực Bù Đốp	141	20	10	10	17	128	10
1	Lãnh đạo Trung tâm	2				2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	95	20	10	8	8	93	10
2.1	Phòng Hành chính tổng hợp	18	1	8	1	1	16	8
2.2	Phòng Dân số	7			1		6	
2.3	Khoa Khám bệnh - YHCT - PHCN - LCK	6	7		1		12	
2.4	Khoa HSCC	13	2	1	1	1	10	1
2.5	Khoa Nội Nhi Nhiễm	11	3			2	9	
2.6	Khoa Ngoại tổng hợp	7	3	1	1		9	1
2.7	Khoa Xét nghiệm & CDHA	7	2			1	8	1
2.8	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị Y tế	7			1	1	5	
2.9	Khoa Kiểm soát bệnh tật & ATTP	11			1	2	9	
2.10	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	8	2		1		9	
3	Trạm Y tế	44			2	7	35	
3.1	Trạm Y tế xã Hưng Phước	11			1	1	9	
	Trạm Y tế xã Hưng Phước (trạm chính)	6			1		5	
	Điểm trạm Y tế Phước Thiện	5				1	4	
3.2	Trạm Y tế xã Thiện Hưng	15			1	2	12	
	Trạm Y tế xã Thiện Hưng (trạm chính)	6			1		5	
	Điểm trạm Y tế Thanh Hòa	4				1	3	
	Điểm trạm Y tế Thiện Hưng	5				1	4	
3.3	Trạm Y tế xã Tân Tiến	18				4	14	
	Trạm Y tế xã Tân Tiến (trạm chính)	9				2	7	
	Điểm trạm Y tế Lộc An	4				1	3	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/ND-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/ND-CP
	Điểm trạm Y tế Tân Tiến	5				1	4	
XVI	Trung tâm Y tế khu vực Chợ Thành	139	20	6	8	10	135	5
1	Lãnh đạo Trung tâm	2				1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	99	20	6	8	9	97	5
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	10	2	2	1	1	9	1
2.2	Phòng Tài chính - Kế hoạch	6	2			1	7	
2.3	Phòng Truyền thông - Dân số và phát triển	6			1		5	
2.4	Khoa Khám bệnh và LCK: Mắt - TMH - RHM	13		1	1	2	9	1
2.5	Khoa Hồi sức cấp cứu	15	4		1	1	17	
2.6	Khoa Nội Nhi Nhiễm	7	3		1	1	8	
2.7	Khoa Kiểm soát bệnh tật và An toàn thực phẩm	10		3	1	1	5	3
2.8	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh	8	3			1	10	
2.9	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	4	1				5	
2.10	Khoa Ngoại - Sản	9	5		1		13	
2.11	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	11			1	1	9	
3	Trạm Y tế	38					38	
3.1	Trạm Y tế phường Minh Hưng	10					10	
	Trạm Y tế phường Minh Hưng (trạm chính)	5					5	
	Điểm trạm Y tế Minh Long	5					5	
3.2	Trạm Y tế phường Chợ Thành	13					13	
	Trạm Y tế phường Chợ Thành (trạm chính)	5					5	
	Điểm trạm Y tế Thành Tâm	5					5	
	Điểm trạm Y tế Hưng Long	3					3	
3.3	Trạm Y tế xã Nha Bích	15					15	
	Trạm Y tế xã Nha Bích (trạm chính)	5					5	
	Điểm trạm Y tế Minh Lập	5					5	
	Điểm trạm Y tế Nha Bích	5					5	
XVII	Trung tâm Y tế khu vực Bù Gia Mập	146	18	8	7	7	125	20
1	Lãnh đạo Trung tâm	2	1		1	1		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	85	17	8	3	1	75	19
2.1	Phòng Tổ chức Hành chính - Tài chính Kế toán	11		5		1	5	6
2.2	Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ	7					3	1
2.3	Khoa Khám bệnh	6	3	1	1		6	2
2.4	Khoa Cận lâm sàng	5	2				6	2
2.5	Khoa Hồi sức cấp cứu	6	2	1			8	1
2.6	Khoa Nội - Nhi - Nhiễm - YHCT và PHCN	8	2	1			8	3
2.7	Khoa Ngoại tổng hợp	6	2				6	1
2.8	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	5	3				8	
2.9	Khoa Dược - Thiết bị, vật tư y tế	7	3		1		6	2
2.10	Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS	10					8	1
2.11	Khoa Y tế công cộng, dinh dưỡng và ATTP	7					5	
2.12	Phòng Dân số	7			1		6	
3	Trạm Y tế	59			3	5	50	1
3.1	Trạm Y tế xã Bù Gia Mập	10			1		9	
3.2	Trạm Y tế xã Đăk O	13			1		12	
3.3	Trạm Y tế xã Đa Kia	20			1	5	15	1
	Trạm Y tế xã Đa Kia (trạm chính)	12			1	4	8	1
	Điểm trạm Y tế Bình Thắng	5				1	4	
	Điểm trạm Y tế Phước Minh	3					3	
3.4	Trạm Y tế xã Phú Nghĩa	16					14	
	Trạm Y tế xã Phú Nghĩa (trạm chính)	10					8	
	Điểm trạm Y tế Đức Hạnh	3					3	
	Điểm trạm Y tế Phú Nghĩa	3					3	
XVIII	Trung tâm Y tế khu vực Đồng Xoài	131	11	5	6	10	121	3

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/ND-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/ND-CP
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	72	11	5	3	7	68	3
2.1	Phòng Hành chính - Tổng hợp	11		5	1	2	8	3
2.2	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	11				1	10	
2.3	Khoa An toàn VSTP - YTCC và Dinh dưỡng	7				1	6	
2.4	Khoa Chăm sóc SKSS và Dân số	11				2	8	
2.5	Khoa Khám bệnh	9	5			1	10	
2.6	Khoa Hồi sức CC và Nội - Nhi - Nhiễm	5	1				5	
2.7	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	7	1		1		7	
2.8	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	5	1		1		5	
2.9	Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh	6	3				9	
3	Trạm Y tế	56			2	1	53	
3.1	Trạm Y tế phường Bình Phước	30			1		28	
	Trạm Y tế phường Bình Phước (trạm chính)	9			1		8	
	Điểm trạm Y tế Tân Bình	5					4	
	Điểm trạm Y tế Tân Xuân	4					4	
	Điểm trạm Y tế Tân Đồng	3					3	
	Điểm trạm Y tế Tân Thiện	4					4	
	Điểm trạm Y tế Tiến Hưng	5					5	
3.2	Trạm Y tế phường Đồng Xoài	11				1	11	
	Trạm Y tế phường Đồng Xoài (trạm chính)	8				1	7	
	Điểm trạm Y tế Tân Thành	3					4	
3.3	Trạm Y tế xã Đồng Tâm	15			1		14	
	Trạm Y tế xã Đồng Tâm (trạm chính)	6			1		5	
	Điểm trạm Y tế Tân Phước	5					5	
	Điểm trạm Y tế Đồng Tâm	4					4	
XIX	Trung tâm Y tế khu vực Bù Đăng	265	40	7	2	3	266	13
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	114	40	7			136	13
2.1	Khoa Hồi sức cấp cứu	13	1				12	1
2.2	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	18					18	
2.3	Khoa Nội - Truyền nhiễm	17					15	
2.4	Khoa ngoại tổng hợp	19					17	
2.5	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	15					13	
2.6	Khoa Xét nghiệm và CDHA	15					15	
2.7	Khoa khám bệnh		17				16	1
2.8	Khoa YHCT và PHCN		8				8	
2.9	Khoa Nhi		8				8	
2.10	Phòng Hành chính tổng hợp	12	6	7			9	11
2.11	Khoa KSBT và ATTP	5					5	
3	Trạm Y tế	148			1	1	130	
3.1	Trạm Y tế xã Bù Đăng	25					22	
	Trạm Y tế xã Bù Đăng (trạm chính)	10					9	
	Điểm trạm Y tế Đoàn Kết	7					6	
	Điểm trạm Y tế Minh Hưng	8					7	
3.2	Trạm Y tế xã Thọ Sơn	22			1		22	
	Trạm Y tế xã Thọ Sơn (trạm chính)	10			1		10	
	Điểm trạm Y tế Đồng Nai	6					6	
	Điểm trạm Y tế Phú Sơn	6					6	
3.3	Trạm Y tế xã Phước Sơn	27				1	21	
	Trạm Y tế xã Phước Sơn (trạm chính)	13				1	8	
	Điểm trạm Y tế Đăng Hà	7					6	
	Điểm trạm Y tế Phước Sơn	7					7	
3.4	Trạm Y tế xã Bom Bo	24					18	
	Trạm Y tế xã Bom Bo (trạm chính)	14					9	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/ND-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/ND-CP
	Điểm trạm Y tế Bình Minh	10					9	
3.5	Trạm Y tế xã Đak Nhou	23					21	
	Trạm Y tế xã Đak Nhou (trạm chính)	15					13	
	Điểm trạm Y tế Đường 10	8					8	
3.6	Trạm Y tế xã Nghĩa Trung	27					26	
	Trạm Y tế xã Nghĩa Trung (trạm chính)	18					18	
	Điểm trạm Y tế Nghĩa Trung	9					8	
XX	Trung tâm Y tế khu vực Hớn Quản	124		6	15	13	85	15
1	Lãnh đạo Trung tâm	3				2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	74		6	12	10	52	14
2.1	Phòng Tổ chức - Hành chính	3		6	1	1	1	14
2.2	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	4			1		3	
2.3	Phòng Tài chính - Kế toán	4			2	1	1	
2.4	Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	1				1		
2.5	Phòng Điều dưỡng	2			1		1	
2.6	Khoa Khám bệnh	7			1	1	5	
2.7	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc	7			1	1	5	
2.8	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	6				1	5	
2.9	Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	7			1		6	
2.10	Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế	7			1	1	5	
2.11	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	8			1	1	6	
2.12	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	5				1	4	
2.13	Khoa Nội	8			1	1	6	
2.14	Khoa An toàn thực phẩm	5			1		4	
3	Trạm Y tế	47			3	1	33	1
3.1	Trạm Y tế xã Tân Quan	17			1		16	1
	Trạm Y tế xã Tân Quan (trạm chính)	6			1		5	1
	Điểm trạm Y tế Tân Lợi	4					4	
	Điểm trạm Y tế Quang Minh	4					4	
	Điểm trạm Y tế Tân Quan	3					3	
3.2	Trạm Y tế xã Tân Khai	15			1	1	7	
	Trạm Y tế xã Tân Khai (trạm chính)	5				1	1	
	Điểm trạm Y tế Tân Hiệp	5					4	
	Điểm trạm Y tế Đồng Nơ	5			1		2	
3.3	Trạm Y tế xã Minh Đức	15			1		10	
	Trạm Y tế xã Minh Đức (trạm chính)	5			1		3	
	Điểm trạm Y tế An Phú	5					3	
	Điểm trạm Y tế Minh Đức	5					4	
XXI	Trung tâm Y tế khu vực Đồng Phú	116	20	5	10	13	112	9
1	Lãnh đạo Trung tâm	3			1	2		
2	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	86	20	5	7	8	90	9
2.1	Phòng Hành chính - Tổng hợp	9		5		2	7	5
2.2	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ	7					6	
2.3	Khoa Kiểm soát Bệnh tật và HIV/AIDS	8			1	1	6	
2.4	Phòng Dân Số - Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	8			1		7	
2.5	Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	8			1		7	
2.6	Khoa Hồi sức cấp cứu- Ngoại tổng hợp - Sản	13				2	11	2
2.7	Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán Hình ảnh	5	2		1		6	1
2.8	Khoa Khám bệnh	8	8		1		15	1
2.9	Khoa Nội tổng hợp - Nhi - Nhiễm	7	4			1	10	
2.10	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	7	5		1	1	10	
2.11	Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế	6	1		1	1	5	
3	Trạm Y tế	27			2	3	22	
3.1	Trạm Y tế xã Đồng Phú	15			1	2	12	

STT	Tổ chức	Số biên chế giao			Số thực hiện			
		Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN	Hợp đồng 111/2022/ ND-CP	Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức không giữ chức vụ	Hợp đồng 111/2022/N Đ-CP
	Trạm Y tế xã Đồng Phú (trạm chính)	7			1	2	4	
	Điểm trạm Y tế Tân Lập	4					4	
	Điểm trạm Y tế Tân Phú	4					4	
3.2	Trạm Y tế xã Tân Lợi	12			1	1	10	
	Trạm Y tế xã Tân Lợi (trạm chính)	6			1	1	4	
	Điểm trạm Y tế Tân Hưng	3					3	
	Điểm trạm Y tế Tân Hòa	3					3	
XXII	Trung tâm Y tế khu vực Lộc Ninh	174	105	8	13	15	213	14
I	Lãnh đạo Trung tâm y tế khu vực Lộc Ninh	2				2		
II	Khoa, phòng thuộc Trung tâm	85	105	8	8	8	136	6
2.1	Phòng Tổ chức Hành chính -Tài chínhKế toán	7	4	8		2	9	6
2.2	Phòng KH NV ĐD	7	5			1	7	
2.3	Khoa Dược	7	11		1		9	
2.4	Khoa Hồi sức cấp cứu	8	10		1	1	15	
2.5	Khoa Nội Nhi	6	13		1		15	
2.6	Khoa Nhiễm	5	11		1	1	10	
2.7	Khoa Ngoại	6	12		1		12	
2.8	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	6	10		1	1	12	
2.9	Khoa Y Dược cổ truyền	5	8				10	
2.10	Khoa Y tế dự phòng	13			1		5	
2.11	Phòng Dân số	3						
2.12	Khoa Khám bệnh	6	15		1	1	17	
2.13	Khoa xét nghiệm chẩn đoán hình ảnh	6	6			1	15	
3	Trạm Y tế	87			5	5	77	8
3.1	Trạm Y tế xã Lộc Thành	12			1	1	10	
	Trạm Y tế xã Lộc Thành (trạm chính)	7			1		6	
	Điểm trạm Y tế Lộc Thịnh	5				1	4	
3.2	Trạm Y tế xã Lộc Ninh	15			1		14	2
	Trạm Y tế xã Lộc Ninh (trạm chính)	5			1		4	2
	Điểm trạm Y tế Lộc Thuận	5					5	
	Điểm trạm Y tế Lộc Thái	5					5	
3.3	Trạm Y tế xã Lộc Hưng	16			1	1	14	3
	Trạm Y tế xã Lộc Hưng (trạm chính)	5			1		4	3
	Điểm trạm Y tế Lộc Khánh	6				1	5	
	Điểm trạm Y tế Lộc Điền	5					5	
3.4	Trạm Y tế xã Lộc Thạnh	14				2	12	2
	Trạm Y tế xã Lộc Thạnh (trạm chính)	6				1	5	2
	Điểm trạm Y tế Lộc Hòa	6				1	5	
	Điểm trạm Y tế Quân dân y Lộc Hòa	2					2	
3.5	Trạm Y tế xã Lộc Tấn	14			1		13	1
	Trạm Y tế xã Lộc Tấn (trạm chính)	8			1		7	1
	Điểm trạm Y tế Lộc Thiện	6					6	
3.6	Trạm Y tế xã Lộc Quang	16			1	1	14	
	Trạm Y tế xã Lộc Quang (trạm chính)	5			1		4	
	Điểm trạm Y tế Lộc Hiệp	5					5	
	Điểm trạm Y tế Lộc Quang	6				1	5	